

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 15-3-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Tân.

Ông Thạch Tân Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 02 L phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1 – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T2 – Giám đốc Chi nhánh huyện T (Theo Văn bản ủy quyền số 2695/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019).

- Bị đơn:

+ Ông Trương Thanh B, sinh năm 1971.

+ Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1975.

+ Anh Trương Nhật N, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Ông T2 có mặt; ông B, bà D, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng N có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Thanh T2 trình bày:

Ngày 05/10/2017, ông Trương Thanh B đã ký Hợp đồng tín dụng số 6910LAV201703769 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Tiền Giang (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 05/10/2022, mục đích chăn nuôi heo nái, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 10,50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông B số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 05/10/2017.

Ngày 03/10/2017, bà Phạm Thị Ngọc D (vợ ông B) và anh Trương Nhật N (con ông B) đã ký giấy ủy quyền số NA3950118, số chứng thực 221, quyền số 01/2017-SCT/CK cho ông B là người đại diện thay mặt mình để xác lập, thực hiện các giao dịch trong quan hệ cấp tín dụng, giao dịch tài sản đảm bảo tiền vay và các giao dịch khác có liên quan đến tiền vay của Agribank (tên viết tắt của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B chỉ thanh toán được tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi là 6.968.426 đồng. Đến ngày 05/10/2020, ông B đã vi phạm hợp đồng tín dụng để nợ quá hạn kéo dài, đồng thời ông B, bà D, anh N không thống nhất trả số tiền nợ gốc còn nợ là 15.000.000 đồng và lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà D và anh N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, lãi tạm tính đến ngày 15/4/2021 là 1.734.307 đồng. Thực hiện việc trả nợ gốc và lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, mặc dù không có biện pháp bảo đảm thế chấp quyền sử dụng đất nhưng ông B đã giao Bản chính 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00272 và CH00273 cùng ngày 24/11/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp cho ông Trương Thanh B. Do đó, ngay khi ông B, bà D, anh N thanh toán xong các khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đồng ý hoàn trả lại 02 Bản chính giấy chứng nhận cho ông B.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trương Thanh B, bà Phạm Thị Ngọc D và anh Trương Nhật N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tùng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đồng thời bổ sung tiền lãi theo hợp đồng tính đến ngày 15/3/2022 là 3.298.289 đồng; bị đơn ông B, bà D và anh N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Xét thấy bị đơn ông Trương Thanh B, bà Phạm Thị Ngọc D và anh Trương Nhật N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông B, bà D và anh N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Ngân hàng yêu cầu ông B, bà D và anh N cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, lãi tạm tính đến ngày 15/3/2022 là 3.298.289 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng đã giao nộp 01 Bản sao Hợp đồng tín dụng số 6910LAV201703769 ngày 05/10/2017. Hợp đồng cho thấy số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi heo nái, hạn trả cuối cùng ngày 05/10/2022, lãi suất cho vay trong hạn là 10,50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngày 05/10/2017, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng cho ông B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B chỉ thanh toán được tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi là 6.968.426 đồng. Đến ngày 05/10/2020, ông B đã vi phạm hợp đồng tín dụng để nợ quá hạn kéo dài. Ngoài ra, mặc dù hợp đồng tín dụng chỉ có ông B ký tên nhưng mục đích vay cho thấy dùng để chăn nuôi heo nái nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, hơn nữa bà D, anh N cũng đã ký Giấy ủy quyền ngày 03/10/2017 ủy quyền cho ông B trong đó có nội dung ông B là người đại diện thay mặt mình để xác lập, thực hiện các giao dịch trong quan hệ cấp tín dụng, giao dịch tài sản đảm bảo tiền vay và các giao dịch khác có liên quan đến tiền vay của Agribank theo quy định pháp luật. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông B, bà D, anh N cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Xét việc giữ giấy tờ làm tin: Khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, ông B đã giao cho Ngân hàng Bản chính 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00272 và CH00273 cùng ngày 24/11/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp cho ông Trương Thanh B. Hai bên không thỏa thuận biện pháp bảo đảm theo quy định, đồng thời nay Ngân hàng đồng ý trả lại cho ông B giấy tờ nêu trên ngay khi ông B, bà D, anh N thanh toán nợ hoàn tất cho Ngân hàng do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông B, bà D, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

Buộc ông Trương Thanh B, bà Phạm Thị Ngọc D và anh Trương Nhật N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vốn là 15.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6910LAV201703769 ngày 05/10/2017 (lãi tạm tính đến ngày 15/3/2022 là 3.298.289 đồng), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 16/3/2022, ông B, bà D, anh N còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6910LAV201703769 cho đến khi thanh toán hoàn tất.

Ngay khi ông B, bà D, anh N thanh toán nợ hoàn tất, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T có nghĩa vụ trả lại cho ông Trương Thanh B Bản chính 02 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00272 và CH00273 cùng ngày 24/11/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp cho ông Trương Thanh B.

2. Án phí:

Ông Trương Thanh B, bà Phạm Thị Ngọc D và anh Trương Nhật N phải liên đới nộp 914.914 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 418.357 đồng theo biên lai thu số 0008009 ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm